

Số: 103 /KH - UBND

Hưng Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững
tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025**

Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 17/8/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

b) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách về giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tạo tiền đề giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

b) Các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở, các tổ chức chính trị xã hội cụ thể hóa Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng các kế hoạch, chương trình, đề án, giải pháp chi tiết và triển khai thực hiện hiệu quả đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu chủ yếu: Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1% (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025). *(Có Phụ lục kèm theo)*

b) Các chỉ tiêu cần đạt được để giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đến năm 2025, cụ thể:

- Chiều thiếu hụt việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều thiếu hụt về y tế: Tiếp tục duy trì 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn 9% và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi xuống còn 15%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Về cơ bản trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Hỗ trợ xây mới khoảng 3.000 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi: Thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh, tập trung hỗ trợ các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

+ Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo do người khuyết tật, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

+ Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

+ Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; đảm bảo theo quy định của pháp luật.

b) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

*** Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh.

+ Hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

*** Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

c) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

*** Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có việc làm bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm.

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

*** Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở;

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy

mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

*** Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân trên địa bàn tỉnh.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

e) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

*** Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế

người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, tổ dân phố, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

*** Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá**

- Mục tiêu: Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách, tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp (nếu có).

2. Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo khác

a) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo.

Tăng cường công tác tuyển sinh theo hướng tiếp cận nhu cầu thực tế của người học và nhu cầu của xã hội; chú trọng tuyển sinh trình độ cao đối với ngành nghề trọng điểm, ngành nghề phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh; ưu tiên tuyển sinh lao động thuộc các nhóm đối tượng đặc thù, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Thực hiện gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo, tái nghèo, cụ thể: gắn kết 3 bên "Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp" trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp như liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hình thành cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp, phối hợp xây dựng chương trình đào tạo, hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp,... hoặc công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả lương cho lao động dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; hình thành mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với trung tâm dịch vụ việc làm nhằm chia sẻ thông tin về cung - cầu lao động; hỗ trợ người học tìm việc làm sau đào tạo, ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng yếu thế.

b) Hỗ trợ về y tế

- Thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác phòng bệnh từ cơ sở; ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, đảm bảo mọi người dân, nhất là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận với dịch vụ y tế hiệu quả nhất.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh.

c) Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

Củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng chính sách trên địa bàn, tăng nguồn vốn ngân sách nhà nước uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội; xem xét điều chỉnh mức vay, thời hạn vay phù hợp với các ngành nghề sản xuất để phát huy tốt hơn hiệu quả tín dụng chính sách xã hội; mở rộng đối tượng được vay, gắn hoạt động cho vay tín dụng ưu đãi với hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm, hướng dẫn khoa học kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ công nghệ trong sản xuất; đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi theo quy định.

d) Hỗ trợ về nhà ở: Tập trung rà soát hỗ trợ nhà ở (bao gồm sửa chữa và xây mới), đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được hỗ trợ kịp thời, có nhà ở an toàn, ổn định.

e) Hỗ trợ về giáo dục

- Triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mầm non, học sinh, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ gia đình nghèo.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về giáo dục đào tạo, chú trọng đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, khuyến khích xây dựng, mở rộng “Quỹ khuyến học”, tạo điều kiện cho trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường.

f) Hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh

- Đẩy mạnh đầu tư, có chính sách mở cửa, khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào các đề án, dự án hỗ trợ người nghèo tiếp cận nước sạch trong sinh hoạt và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh góp phần bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe và nâng cao đời sống của người dân.

- Huy động tối đa nội lực, thực hiện lồng ghép vốn để đẩy mạnh cấp nước sạch sinh hoạt và vệ sinh môi trường, nhất là môi trường nông thôn; tăng cường hỗ trợ đầu tư các công trình vệ sinh môi trường nông thôn gồm hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước thải...

g) Trợ giúp pháp lý: Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, cận nghèo đảm bảo 100% người nghèo, người cận nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý nhằm nâng cao hiểu, biết quyền, nghĩa vụ của công dân và chủ động tiếp cận chính sách trợ giúp của Nhà nước, góp phần mở rộng việc thực thi dân chủ ở cơ sở.

h) Các chính sách an sinh xã hội khác

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với các tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế; hỗ trợ tiền điện và các chính sách hỗ trợ khác cho hộ nghèo theo quy định, đảm bảo kịp thời và đúng đối tượng.

- Tăng cường vận động nguồn lực xã hội hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ “Vì người nghèo”, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc, khơi dậy tình yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau từ mỗi cộng đồng dân cư cùng chăm lo, giúp đỡ người nghèo bằng các hoạt động, việc làm thiết thực (hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà; hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó học giỏi; hỗ trợ khám chữa bệnh, rủi ro đột xuất; hỗ trợ vốn và tư liệu sản xuất...

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở; xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án... về giảm nghèo bền vững phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Chính quyền các cấp xây dựng gắn mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo vào nội dung của các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị.

Đẩy mạnh hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời, tiếp tục phát động các phong trào, cuộc vận động để huy động nguồn lực, có sự tham gia của người dân trong thực hiện giảm nghèo bền vững.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong công tác giảm nghèo; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo; động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo; kịp thời phát hiện, biểu dương các cá nhân, tập thể và nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm hay trong thực hiện giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no của người dân và cộng đồng.

3. Huy động, đa dạng hóa các nguồn lực

Sử dụng hiệu quả, kịp thời nguồn ngân sách Trung ương; bố trí nguồn ngân sách địa phương triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo, trong đó tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2025 của tỉnh; ưu tiên nguồn lực để phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp cho người nghèo và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Huy động nguồn lực xã hội cho công tác giảm nghèo nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân thực hiện hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Khuyến khích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ các địa phương còn nhiều hộ nghèo, vận động các hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Kiểm toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo hướng tập trung, thống nhất đầu mối

quản lý; tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo.

Hàng năm, tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo đúng quy định; xây dựng đội ngũ rà soát viên có chất lượng; thực hiện phương pháp rà soát, thống kê, tổng hợp kết quả, quản lý khoa học làm cơ sở xây dựng, thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội của địa phương; kết quả rà soát phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra trong công tác giảm nghèo tại địa phương.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tăng cường cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hóa.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, kịp thời đưa ra giải pháp điều chỉnh, bổ sung, khắc phục những hạn chế, bất cập, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; tổ chức sơ kết, tổng kết và biểu dương, khen thưởng kịp thời các gương điển hình trong các phong trào thi đua, cuộc vận động thực hiện chương trình, dự án, kế hoạch... về giảm nghèo.

Nghiên cứu, xây dựng chính sách an sinh xã hội của tỉnh hướng tới người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn với tinh thần "không để ai bỏ lại phía sau".

VI. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hoạt động hàng năm của các sở, ngành, đoàn thể và các địa phương; nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn kinh phí lồng ghép, bố trí thực hiện trong các chương trình, dự án, chính sách khác có liên quan đã được phê duyệt, ban hành; nguồn kinh phí đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Quỹ "Vì người nghèo" các cấp...

2. Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai, thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

b) Chủ trì, phối hợp triển khai các chính sách giảm nghèo và Dự án, tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Chính sách

phát triển giáo dục nghề nghiệp tạo việc làm; Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; Dự án 7: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, giám sát, đánh giá Chương trình; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

c) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo theo đúng quy định, phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân, từ đó làm cơ sở xây dựng thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp, dự kiến kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, dự án và các chính sách giảm nghèo nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch đã đề ra.

b) Kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu của các lĩnh vực gắn với việc thực hiện các mục tiêu giảm nghèo.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí; hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho người nghèo.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp triển khai các chính sách giảm nghèo và tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; Chính sách hỗ trợ nước sạch trong sinh hoạt; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

5. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp triển khai các chính sách giảm nghèo và tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng; Chính sách hỗ trợ về y tế; Chính sách hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh; Quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người

nghèo; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Lồng ghép lĩnh vực quản lý của ngành, đề xuất đầu tư, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, xã, phường, thị trấn.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ về giáo dục.

7. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp triển khai Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giảm nghèo về thông tin; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Chủ trì, phối hợp tổ chức quản lý, đảm bảo thực hiện hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định.

10. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng khác.

11. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

12. Đài Phát thanh - Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên: Thực hiện tuyên truyền phổ biến các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, của tỉnh về giảm nghèo bền vững; các mô hình, cách làm hay, sáng tạo có hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

13. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các nội dung hoạt động của Kế hoạch này phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp với các cấp, các ngành lồng ghép các chương trình kinh tế, xã hội với chương trình giảm nghèo; Huy động, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho công tác giảm nghèo.

c) Triển khai, thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo theo đúng quy trình, chính xác, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định; Thực hiện đồng thời việc phân loại hộ nghèo theo từng nhóm nguyên nhân, để đưa ra các giải pháp can thiệp, hỗ trợ phù hợp tình hình của địa phương giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống.

d) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, vận động sự tham gia của xã hội, cộng đồng trong công tác giảm nghèo; Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững; Tiếp tục xây dựng và sử dụng có hiệu quả quỹ “Vì người nghèo”, thực hiện tốt Tháng cao điểm vì người nghèo, kêu gọi các tổ chức, cá nhân chung tay ủng hộ giúp đỡ để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

b) Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện triển khai các chính sách giảm nghèo.

VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm và báo cáo đột xuất qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định./. *u*

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX^T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng
Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/06/2022 07:03:39

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN TỶ LỆ HỘ NGHÈO TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 103 /KH-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên)

STT	Huyện/TX/TP	Kết quả năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	Phù Cừ	29.822	946	3,17	29.958	825	2,75	30.358	742	2,44	30.758	643	2,09	30.958	391	1,26
2	Tiên Lữ	30.365	726	2,39	30.600	700	2,29	31.005	630	2,03	31.405	561	1,79	31.605	398	1,26
3	TP Hưng Yên	37.278	416	1,12	37.290	382	1,02	37.690	331	0,88	38.090	280	0,74	38.390	205	0,53
4	Kim Động	41.011	1.097	2,67	41.500	940	2,27	42.000	830	1,98	42.500	721	1,70	42.802	520	1,21
5	Ân Thi	48.409	2.338	4,83	48.520	1.845	3,80	49.320	1.370	2,78	50.010	890	1,78	50.565	635	1,26
6	Khoái Châu	66.020	2.180	3,30	66.205	1.850	2,79	67.105	1.340	2,00	67.905	835	1,23	68.654	627	0,91
7	Yên Mỹ	48.485	1.127	2,32	48.503	1.027	2,12	48.903	905	1,85	49.303	745	1,51	49.702	520	1,05
8	Mỹ Hào	36.162	516	1,43	36.221	480	1,33	36.421	441	1,21	36.621	402	1,10	36.819	296	0,80
9	Văn Lâm	35.439	602	1,70	35.623	533	1,50	35.823	485	1,35	36.023	437	1,21	36.221	333	0,92
10	Văn Giang	34.054	420	1,23	34.300	414	1,21	34.500	381	1,10	34.699	348	1,00	34.897	249	0,71
Tổng cộng		407.045	10.368	2,55	408.720	8.996	2,20	413.125	7.455	1,80	417.314	5.862	1,40	420.613	4.174	0,99

2